

## THÔNG BÁO

### Về việc thu hồi đất của UBND xã Phổ Cường để thực hiện dự án: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025, đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Đức Phổ đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án: Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 38/TTr-TNMT ngày 25 tháng 01 năm 2024,

Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của UBND xã Phổ Cường

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 2.378,7m<sup>2</sup>.

- Thuộc các thửa đất tại tờ bản đồ số 28, 37, 44, 62, xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ.

- Loại đất đang sử dụng: DTL, DGT, LUC, CLN, NTD, BCS, BHK, RSX.

(chi tiết được thể hiện tại danh sách đính kèm)

2. Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Sau 05 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo này (chậm nhất 90 ngày đối với đất nông nghiệp, 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp. Sau thời gian này, Nhà nước sẽ thực hiện thu hồi đất theo quy định, trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn quy định thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất).

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư: Không.

Ủy ban nhân dân xã Phổ Cường có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp

hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật. / *Stuy*

**Nơi nhận:** *Stuy*

- BQL dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng TN&MT thị xã;
- VP ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi –  
CN thị xã Đức Phổ;
- Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường;
- UBND xã Phổ Cường;
- VP HỖND&UBND TX: CVP, PCVP, CV<sub>lvthuan</sub>;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Ngọc Sang*  
**Trần Ngọc Sang**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH BAN HÀNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT DỰ ÁN: ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC - NAM  
PHẦN ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025; ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN (BỘ SƯNG)

Địa điểm: xã Phố Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày báo thu hồi đất số 38 /TB-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ BD ĐC khu đất số	Số thửa	Trích lục	Diện tích(m <sup>2</sup> )			Loại đất	Tờ BDDC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm			Ghi chú	
						Chính lý	Quy hoạch			Số thửa	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )		GCNQS Đ đất
							Đã thu hồi	Thu hồi bổ sung						
1	UBND xã		2	309	70			13,5						
2	UBND xã		1	637	1498			-0,8	DTL	28	637	6776	DTL	
3	UBND xã		1	746	4044			-0,7	DGT	28	746	18899	DGT	
4	UBND xã		1	1416		192		57	DTL	28				
5	UBND xã		1	1470		365		97,6	DTL	28				
6	UBND xã		1	1527		8076		206,6	DGT	28				
7	UBND xã		1	1553		614,1		82,9	LUC	28				
8	UBND xã		1	1583		199		14,5	DTL	28				
9	UBND xã		1	1686		1060		-2	CLN	28	637		DTL	
10	UBND xã		2	1006	2327			126,9	DTL	28	1006	18901	DTL	
11	UBND xã		2	1125	148			6,5	LUC	28	1125	148	LUC	
12	UBND xã		2	1126	20			0,4	NTD	28	1126	20	NTD	
13	UBND xã		2	1127	93			4,7	NTD	28	1127	93	NTD	
14	UBND xã		2	1293		267		61,3	LUC	37	1293	282	LUC	Lại Văn Dợt
15	UBND xã		2	1353		88		10,7	DTL	37	267	688	DTL	
16	UBND xã		2	1365	1765			24,1	DTL	37	8831	12677	DTL	
17	UBND xã		2	1420	3355			131,4	DGT	37	1420	36276	DGT	
18	UBND xã		2	1499		455		0,5	DTL	37	1365	12677	DTL	
19	UBND xã		2	1500		91		2,3	DTL	37	1291	365	LUC	
20	UBND xã		2	13		327		0,7	DTL	44	13	129	BCS	



STT	Tờ BDDC khu đất tỷ lệ 1/2000 năm 2023										Tờ BDDC tỉ lệ 1/2000 đo vẽ năm			
	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ BĐ ĐC khu đất số	Số thửa	Trích lục	Chính lý	Quy hoạch		Loại đất	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	GCNQSD đất	Ghi chú
						Đã thu hồi	Thu hồi bổ sung							
21	UBND xã	2	16		147,6	11,4	26,6	DTL	44	16	363	DGT		
22	UBND xã	2	126	43		22,7	14,7	BCS	44	126	43	BCS		
23	UBND xã	2	243	2010		937,9	331,8	DTL	44	1835	5669	DTL		
24	UBND xã	2	272	52			17	BCS	44	272	52	BCS		
25	UBND xã	2	275	43		26	17	BCS	44	275	43	BCS		
26	UBND xã	2	307	52		7	8,3	BCS	44	307	52	BCS		
27	UBND xã	2	331	641		253,5	43,7	DTL	44	641	1383	DTL		
28	UBND xã	2	372	156		26,2	67,2	BCS	44	372	156	BCS		
29	UBND xã	2	373	520		442,3	35,9	BCS	44	373	520	BCS		
30	UBND xã	2	375	312		17,2	181,8	BCS	44	375	469	BCS		
31	UBND xã	2	389	508		231,3	208,3	BHK	44	389	508	BHK		Lê Đức
32	UBND xã	2	390	208		14,8	40,5	BCS	44	390	208	BCS		
33	UBND xã	2	427	3392		1595,8	42,4	RSX	44	427	3392	RSX		Trần Nguyên An
34	UBND xã	2	444	1384		408,6	161,7	DGT	44	1384	2785	DGT		
35	UBND xã	2	480	1435		427,6	214,3	DTL	44	1458	8083	DTL		
36	UBND xã	2	496	2438		1239,9	2,1	RSX	44	496	2438	CLN		Trần Nguyên An
37	UBND xã	2	587	2905		1137,2	0,8	BCS	44	2905	7671	BCS		
38	UBND xã	2	1283		332		39,6	DGT	44					
39	UBND xã	5	308		1793	932,9	2,1	DTL	62	308	4630	DTL		
40	UBND xã	5	377		9415	2238,2	29,1	CLN	62	311	52313	RSX		Đào Thị Lãnh
41	UBND xã	5	378		11774	7469,6	55,7	RSX	62	311	52313	RSX		
	<b>Tổng</b>				<b>35.195,7</b>	<b>32.572,2</b>	<b>2.378,7</b>							